

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	15 - 42
8. Phụ lục	43 - 45

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Hợp tác Lao động với nước ngoài phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 (số cũ 4103007131) ngày 27 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 8 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đăng ký thêm 06 chi nhánh tại Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **88.000.000.000 VND**

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (đại diện bởi ông Nguyễn Ngọc Minh; ông Nguyễn Hùng Việt; ông Lê Văn Đức)	4.488.000	44.880.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á – Thái Bình Dương (đại diện bởi ông Nguyễn Đỗ Lăng)	1.198.450	11.984.500.000	13,62
Bà Trần Thị Cẩm Hà	27.280	272.800.000	0,31
Vốn góp của các cổ đông khác	3.086.270	30.862.700.000	35,07
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 39 433 770.

Fax : (08) 39 433 778

E-mail : inlacosaigon@inlacosaigon.com

Mã số thuế : 03004427601

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, Trần Quốc Toàn, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Quảng Ninh	TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Thanh Hóa	Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội	P206 Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;
- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhờn;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	126 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng	số 0204000468 ngày 01 tháng 11 năm 2007	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Trong năm, Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010 theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển:	586.801.955 VND
- Quỹ dự phòng tài chính:	293.400.978 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	293.400.978 VND

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế cũng trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2009 theo Nghị quyết số 04/2010/NQ-ĐHĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển:	584.673.466 VND
- Quỹ dự phòng tài chính:	292.336.733 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	129.724.460 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch	05 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hùng Việt	Phó chủ tịch	05 tháng 6 năm 2007	22 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Viết Điền	Ủy viên	22 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Văn Đức	Ủy viên	05 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên	05 tháng 6 năm 2007	-
Bà Trần Thị Cẩm Hà	Ủy viên	05 tháng 6 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hồng Thanh	Trưởng ban	09 tháng 6 năm 2007	-
Ông Trương Tấn Lộc	Thành viên	09 tháng 6 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Hoa Đào	Thành viên	15 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	29 tháng 6 năm 2007	-
Ông Trần Viết Điền	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 6 năm 2007	-
Ông Lê Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 6 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

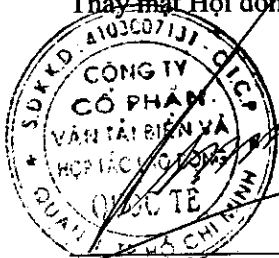
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng: Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ông Nguyễn Ngọc Minh
Chủ tịch

Ngày 04 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0739/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế và công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2012, từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 3 năm 2011 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2011 đã điều chỉnh số liệu đầu năm theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của Kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về chi phí khấu hao khấu hao của loại tài sản phương tiện vận tải (tàu vận chuyên). Trong năm Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đã giảm chi phí khấu hao các phương tiện vận tải với số tiền là 15.455.610.614 VND so với mức khấu hao theo chính sách kế toán của Tập đoàn (chính sách kế toán này phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính), tương ứng tỷ lệ giảm 35% theo Công văn số 148/BTC-TCDN ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Minh Khiêm - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0785/KTV

48
TY
HỮU
NV
ÁN
CH

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.675.753.176	348.646.388.267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.221.518.515	14.713.560.851
1. Tiền	111		30.221.518.515	14.713.560.851
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.358.793.137	317.446.345.954
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	8.832.364.272	9.008.783.697
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	86.940.109	304.181.415.781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	52.638.803.730	4.523.705.404
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(199.314.974)	(267.558.928)
IV. Hàng tồn kho	140		19.147.996.933	4.392.187.783
1. Hàng tồn kho	141	V.6	19.147.996.933	4.392.187.783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.947.444.591	12.094.293.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.106.826.610	1.278.997.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.072.253.546	5.703.237.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	9.835.336	21.058.839
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.758.529.099	5.091.000.291

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.035.671.863.960	574.243.446.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.016.447.412.070	549.610.873.343
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	516.202.824.808	536.564.661.950
<i>Nguyên giá</i>	222		832.372.554.394	820.926.786.004
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(316.169.729.586)	(284.362.124.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.577.027.976	12.835.387.976
<i>Nguyên giá</i>	228		17.691.123.304	17.691.123.304
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.114.095.328)	(4.855.735.328)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	487.667.559.286	210.823.417
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.384.238.300	10.595.962.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.248.410.000	21.887.790.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(15.864.171.700)	(11.291.827.500)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.840.213.590	14.036.610.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	12.840.213.590	14.036.610.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.162.347.617.136	922.889.834.965

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.052.211.528.468	818.133.529.869
I. Nợ ngắn hạn	310		347.264.919.063	183.207.588.464
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	110.467.005.355	88.289.772.219
2. Phải trả người bán	312	V.17	114.366.596.165	29.804.183.549
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	13.270.041.703	322.948.680
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.590.929.055	4.326.454.180
5. Phải trả người lao động	315		14.379.685.879	11.111.322.820
6. Chi phí phải trả	316	V.20	43.699.147.692	1.390.458.274
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	43.465.237.625	43.728.616.091
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	4.026.275.589	4.233.832.651
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		704.946.609.405	634.925.941.405
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	704.695.229.080	634.648.929.680
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		251.380.325	277.011.725
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.136.088.668	104.756.305.096
I. Vốn chủ sở hữu	410		110.136.088.668	104.756.305.096
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	91.515.592	(1.097.483.492)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	3.348.918.531	2.177.443.110
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	1.674.459.266	1.088.721.555
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	17.021.195.279	14.587.623.923
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CÒ ĐỒNG THIỀU SÓ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.162.347.617.136	922.889.834.965



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

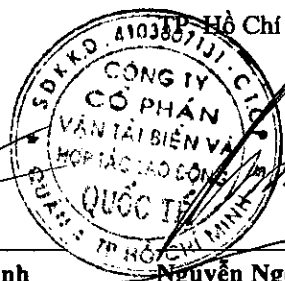
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.393.394,59	610.275,01
Yên Nhật (¥)		-	181.419,70
6. Dự toán chi.sự.nghiệp,.dự.án		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Kim Oanh

Thu Oanh



Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

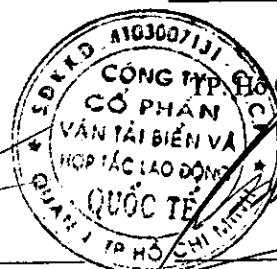
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	360.069.222.799	284.443.093.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	360.069.222.799	284.443.093.366
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	266.049.450.601	182.439.971.431
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.019.772.198	102.003.121.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.695.492.635	9.738.085.345
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	68.915.593.614	78.682.131.271
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.830.764.697	28.235.639.314
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.664.927.080	7.506.260.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.917.929.863	15.042.921.357
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.216.814.276	10.509.893.706
11. Thu nhập khác	31		999.069.022	283.659.483
12. Chi phí khác	32		1.139.493.396	685.480.425
13. Lợi nhuận khác	40		(140.424.374)	(401.820.942)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.076.389.902	10.108.072.764
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	1.462.479.976	2.461.754.911
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.613.909.926</u>	<u>7.646.317.853</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		4.613.909.926	7.646.317.853
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>524</u>	<u>869</u>



Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		374.966.692.538	371.717.762.829
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(287.628.774.760)	(111.783.284.780)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.074.889.670)	(20.021.067.848)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(26.198.639.220)	(8.107.303.833)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.19	(1.446.402.588)	(1.318.452.462)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		96.170.988.097	4.779.036.734
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(79.702.752.723)	(119.782.102.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.086.221.674	115.484.588.313
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(85.079.732.540)	(22.788.514.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	73.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.135.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	30.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(360.620.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	240.000.000	7.770.593.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(85.191.261.631)	(18.049.739.152)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 23	159.493.278.784		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 23	(94.971.709.288)		(104.601.636.781)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.521.569.496		(104.601.636.781)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.416.529.539		(7.166.787.620)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.713.560.851		22.539.122.546	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		91.428.125		(658.774.075)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.221.518.515		14.713.560.851	

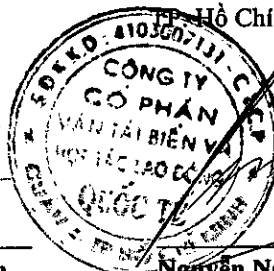
Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Oanh

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh

Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (Công ty mẹ) và công ty con Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Cung các các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhớt, dịch vụ logistics.
- Tổng số các công ty con** : 1
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	126 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng	100%	100%

- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 1.190 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.138 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Tài sản cố định khác	3 - 12

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

02
CÔ
CH N
ỀM
TU
TP

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm tùy theo thời gian sử dụng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phân bổ theo hợp đồng

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa là chi phí phát sinh để sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ trong vòng 2,5 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

47448
CÔNG TY
HỮU
HỮU
VẬN
HỮU

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Tại Công ty mẹ, các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc tăng vốn điều lệ theo phương thức thích hợp.	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty mẹ	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, chi các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên Công ty, trong đó có các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các đối tượng khác có liên quan.	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty mẹ	

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
216,73 VND/YEN
31/12/2011: 20.828 VND/USD
267,00 VND/YEN

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	390.236.490	733.664.790
Tiền gửi ngân hàng	29.831.282.025	13.979.896.061
Cộng	<u>30.221.518.515</u>	<u>14.713.560.851</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	7.079.524.056	7.858.221.992
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	1.752.840.216	1.150.561.705
Cộng	<u>8.832.364.272</u>	<u>9.008.783.697</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	76.940.109	300.967.548.381
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	10.000.000	3.213.867.400
Cộng	<u>86.940.109</u>	<u>304.181.415.781</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai khấu trừ	45.359.464.766	-
Các khoản phải thu khác	7.279.338.964	4.523.705.404
Cộng	<u>52.638.803.730</u>	<u>4.523.705.404</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(267.558.928)	(199.314.974)
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	68.243.954	(68.243.954)
Số cuối năm	<u>(199.314.974)</u>	<u>(267.558.928)</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.059.194.933	4.264.284.935
Công cụ, dụng cụ	88.802.000	127.902.848
Cộng	19.147.996.933	4.392.187.783

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm xe	-	7.462.068
Chi phí bảo hiểm tàu	1.093.020.013	932.050.792
Công cụ, dụng cụ dùng trên tàu	996.197.350	310.864.855
Công cụ, dụng cụ dùng tại văn phòng	17.609.247	28.619.545
Cộng	2.106.826.610	1.278.997.260

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.223.503
Thuế khác	9.835.336	6.835.336
Cộng	9.835.336	21.058.839

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.232.906.609	3.544.388.093
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.525.622.490	1.546.612.198
Cộng	4.758.529.099	5.091.000.291

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	22.736.509.229	796.747.882.508	1.442.394.267	820.926.786.004
Tăng trong năm	1.899.711.342	9.659.309.268	63.659.594	11.622.680.204
Mua sắm mới	58.436.400	9.659.309.268	63.659.594	9.781.405.262
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.841.274.942	-	-	1.841.274.942
Giảm trong năm	(135.418.214)	-	(41.493.600)	(176.911.814)
Thanh lý trong năm	(100.000.000)	-	(41.493.600)	(141.493.600)
Giảm khác	(35.418.214)	-	-	(35.418.214)
Số cuối năm	24.500.802.357	806.407.191.786	1.464.560.251	832.372.554.394
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	131.447.320	8.052.735.973	774.133.645	8.958.316.938
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.011.825.589	280.401.513.987	948.784.478	284.362.124.054



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Khấu hao trong năm	1.641.696.547	30.186.751.816	120.650.769	31.949.099.132
Thanh lý trong năm	(100.000.000)	-	(41.493.600)	(141.493.600)
Số cuối năm	4.553.522.136	310.588.265.803	1.027.941.647	316.169.729.586

Giá trị còn lại

Số đầu năm	19.724.683.640	516.346.368.521	493.609.789	536.564.661.950
Số cuối năm	19.947.280.221	495.818.925.973	436.618.614	516.202.824.808

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 703.521.340.769 VND và 476.935.533.899 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.16 và V.23).

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.676.123.304	15.000.000	17.691.123.304
Số cuối năm	17.676.123.304	15.000.000	17.691.123.304

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
---------------------------------------	---	---	---

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	4.844.055.328	11.680.000	4.855.735.328
Khấu hao trong năm	255.960.000	2.400.000	258.360.000
Số cuối năm	5.100.015.328	14.080.000	5.114.095.328

Giá trị còn lại

Số đầu năm	12.832.067.976	3.320.000	12.835.387.976
Số cuối năm	12.576.107.976	920.000	12.577.027.976

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình là là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh với nguyên giá là 8.198.578.200 VND đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.16)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	209.823.417	487.457.735.869		- 487.667.559.286
Tàu Inlaco Express	157.266.667	487.457.735.869		- 487.615.002.536
Phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương	52.556.750	-		52.556.750
XDCB dở dang	1.000.000	1.840.274.942	(1.841.274.942)	-
Công trình số 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh				
Cộng	210.823.417	489.298.010.811	(1.841.274.942)	487.667.559.286

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu		22.178.410.000		21.817.790.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	232.875	4.030.000.000	232.875	4.030.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	162.781	11.278.410.000	109.279	10.917.790.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	300.000	5.870.000.000	300.000	5.870.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư trái phiếu		70.000.000		70.000.000
Quỹ đầu tư quốc gia				
Cộng		22.248.410.000		21.887.790.000

Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tăng do nhận 17.440 cổ phiếu thưởng đồng thời mua thêm 36.062 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 360.620.000 VND.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(11.291.827.500)	(8.862.500.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.572.344.200)	(2.429.327.500)
Số cuối năm	(15.864.171.700)	(11.291.827.500)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.512.548.384	6.289.537.934	(2.759.707.815)	6.042.378.503
Phí bảo hiểm vật chất xe	-	45.454.545	(22.680.000)	22.774.545
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	11.524.062.471	5.645.779.854	(10.394.781.783)	6.775.060.542
Cộng	14.036.610.855	11.980.772.333	(13.177.169.598)	12.840.213.590

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	14.275.941.715	4.031.677.939
Vay cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	2.940.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	93.251.063.640	84.258.094.280
Cộng	<u>110.467.005.355</u>	<u>88.289.772.219</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 1444/HCM-ISG/TDHM ngày 31 tháng 8 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Bất động sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại số 36 - 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- (ii) Vay ngắn hạn cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định từ 14%/năm đến 20%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Kết chuyển sang vay dài hạn ⁽ⁱ⁾</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng	4.031.677.939	31.553.278.784	-	-	(21.309.015.008)	14.275.941.715
Vay cá nhân	-	2.940.000.000	-	-	-	2.940.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	84.258.094.280	-	93.251.063.640	(12.095.400.000)	(72.162.694.280)	93.251.063.640
Cộng	<u>88.289.772.219</u>	<u>34.493.278.784</u>	<u>93.251.063.640</u>	<u>(12.095.400.000)</u>	<u>(93.471.709.288)</u>	<u>110.467.005.355</u>

- (i) Khoản kết chuyển sang vay dài hạn do thay đổi cơ cấu nợ vay.

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	113.001.614.238	28.256.504.038
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	1.364.981.927	1.547.679.511
Cộng	<u>114.366.596.165</u>	<u>29.804.183.549</u>

18. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước tại Công ty mẹ.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.644.668	640.754.705	(634.647.351)	62.752.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.444.165.868	1.462.479.976	(1.446.402.588)	1.460.243.256
Thuế thu nhập cá nhân	1.967.805.951	3.006.570.749	(3.803.057.113)	1.171.319.587
Tiền thuế đất	50.400.000	173.400.000	(120.400.000)	103.400.000
Tiền thuế đất	-	79.692.000	(79.692.000)	-
Các loại thuế khác	786.378.854	70.436.400	(73.436.400)	783.378.854
Cộng	<u>4.305.395.341</u>	<u>5.433.333.830</u>	<u>(6.157.635.452)</u>	<u>3.581.093.719</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế	0%
- Dịch vụ ngành hàng hải thực hiện tại khu vực cảng đáp ứng các điều kiện theo Thông tư số 112/2009/TT-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính	0%
- Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên	
• Tàu nội	10%
• Tàu ngoại	0%
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.076.389.902	10.108.072.764
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	13.530.000	-
Thu nhập chịu thuế	6.089.919.902	10.108.072.764
Thu nhập được miễn thuế	(240.000.000)	(270.000.000)
Thu nhập tính thuế	5.849.919.902	9.838.072.764
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.462.479.976	2.459.518.191
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	2.236.720
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.462.479.976</u>	<u>2.461.754.911</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Các công ty trong Tập đoàn nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp thuế hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	36.981.938.630	1.330.458.274
Chi phí bảo hiểm	1.088.772.599	-
Chi phí khác	5.628.436.463	60.000.000
Cộng	<u>43.699.147.692</u>	<u>1.390.458.274</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.851.558.434	1.598.108.588
Bảo hiểm xã hội	6.808.004.065	1.339.099.670
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.614.560.561	4.526.601.645
Phải trả về cổ phần hóa cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	11.960.946.101	11.960.946.101
Phải trả khác	18.230.168.464	24.303.860.087
Cộng	<u>43.465.237.625</u>	<u>43.728.616.091</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.233.832.651	4.849.258.337
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	423.125.438	-
Chi quỹ trong năm	(630.682.500)	(615.425.686)
Số cuối năm	<u>4.026.275.589</u>	<u>4.233.832.651</u>

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	468.138.800.000	358.038.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	236.056.429.080	276.610.529.680
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	500.000.000	-
Cộng	<u>704.695.229.080</u>	<u>634.648.929.680</u>

⁽ⁱ⁾ Các khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đứng ra vay và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế nhận nợ và giải ngân theo:

- Hợp đồng số 05/2003/HĐTD-TDTW ngày 21 tháng 7 năm 2003 với tổng số tiền vay là 83.300.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu chở hàng Thanh Thủy, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/05/HĐTD-TDTW ngày 14 tháng 4 năm 2005 với tổng số tiền vay 76.416.000.000 VND để phục vụ nhu cầu đầu tư đóng mới tàu Aquamarine, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 144 tháng. Thời hạn trả hết nợ gốc và lãi 132 tháng, bắt đầu từ tháng 3 năm 2006. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 12/2010/HĐTĐĐT-NHPT.INLACO ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 414.000.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu Inlaco Express, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn 18 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc theo tháng, mức trả 3.285.000.000 VND/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo:
- Hợp đồng tín dụng 01/09/ILCSG-HCM ngày 06 tháng 01 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.667.500,00 USD để mua tàu J.Marion Sun (Tàu Bright) chờ hàng rời đã qua sử dụng trọng tải 23.527DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Thanh Sơn chờ hàng bách hóa, số hiệu 3WFO-8915184.
 - Hợp đồng tín dụng 02/09/ILCSG-HCM ngày 26 tháng 3 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.497.500,00 USD để mua tàu Spring Accord chờ hàng rời trọng tải 23.986DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 4%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và một phần tàu Thanh Sơn chờ hàng bách hóa, số hiệu 3WFO-8915184.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 0070/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 28 tháng 3 năm 2011 bằng VND để đầu tư mua tài sản cố định là 01 xe nâng hàng bánh lốp hiệu Kalmar DRD420 và 01 xe nâng vỏ container bánh lốp hiệu Kalmar DRD100-52S6 với thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thay đổi theo lãi suất công bố. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Thời hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm đến	Trên 5 năm
		xuống	5 năm	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	491.133.800.000	22.995.000.000	198.612.000.000	269.526.800.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	304.312.492.720	68.256.063.640	236.056.429.080	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng	2.500.000.000	2.000.000.000	500.000.000	-
Cộng	797.946.292.720	93.251.063.640	435.168.429.080	269.526.800.000

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn ⁽¹⁾	Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	358.038.400.000	121.000.000.000	-	12.095.400.000	(22.995.000.000)	-	468.138.800.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	276.610.529.680	-	27.701.963.040	-	(68.256.063.640)	-	236.056.429.080
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng	-	4.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	(1.500.000.000)	500.000.000
Cộng	634.648.929.680	125.000.000.000	27.701.963.040	12.095.400.000	(93.251.063.640)	(1.500.000.000)	704.695.229.080

⁽¹⁾ Khoản kết chuyển sang vay dài hạn do thay đổi cơ cấu nợ vay.

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	2.177.443.110	1.088.721.555	6.941.306.070	(21.499.807.840)	76.707.662.895
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.646.317.853	-	7.646.317.853
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền, các khoản công nợ ngắn hạn và khoản vay dài hạn	-	-	-	-	21.499.807.840	21.499.807.840
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của khoản vay dài hạn	-	-	-	-	(1.097.483.492)	(1.097.483.492)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	2.177.443.110	1.088.721.555	14.587.623.923	(1.097.483.492)	104.756.305.096
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	2.177.443.110	1.088.721.555	14.587.623.923	(1.097.483.492)	104.756.305.096
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	4.613.909.926	-	4.613.909.926
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.171.475.421	585.737.711	(2.180.338.570)	-	(423.125.438)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của khoản vay dài hạn cuối năm trước	-	-	-	-	1.097.483.492	1.097.483.492
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm nay	-	-	-	-	91.515.592	91.515.592
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	3.348.918.531	1.674.459.266	17.021.195.279	91.515.592	110.136.088.668

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	360.069.222.799	284.443.093.366
<i>Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải</i>	311.361.543.015	238.797.799.186
<i>Doanh thu dịch vụ đại lý tàu</i>	912.694.761	991.622.399
<i>Doanh thu hoạt động xuất khẩu thuyền viên</i>	25.011.769.121	21.448.708.343
<i>Doanh thu hoạt động Logistics</i>	21.759.062.883	19.591.880.504
<i>Doanh thu các hoạt động khác</i>	1.024.153.019	3.613.082.934
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>360.069.222.799</u>	<u>284.443.093.366</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	229.324.997.323	149.900.232.051
Giá vốn dịch vụ đại lý tàu	498.918.715	492.766.353
Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên	17.923.045.267	16.191.833.364
Giá vốn hoạt động Logistics	18.302.489.296	15.207.192.564
Giá vốn các hoạt động khác	-	647.947.099
Cộng	<u>266.049.450.601</u>	<u>182.439.971.431</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	236.075.671	230.197.193
Cổ tức, lợi nhuận được chia	240.000.000	270.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.219.416.964	9.142.058.349
Hoạt động khác	-	95.829.803
Cộng	<u>5.695.492.635</u>	<u>9.738.085.345</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	27.830.764.697	28.235.639.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá	36.512.484.717	48.017.164.457
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.572.344.200	2.429.327.500
Cộng	<u>68.915.593.614</u>	<u>78.682.131.271</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	201.848.256	-
Chi phí vật liệu, dụng cụ	5.050.000	-
Chi phí hoa hồng	6.364.419.946	5.738.749.553
Chi phí bằng tiền khác	93.608.878	1.767.511.393
Cộng	<u>6.664.927.080</u>	<u>7.506.260.946</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.774.433.195	10.011.245.306
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	270.807.861	224.734.907
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.266.830.642	181.975.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.058.182	1.466.434.235
Chi phí bằng tiền khác	3.707.799.983	3.158.531.858
Cộng	<u>17.917.929.863</u>	<u>15.042.921.357</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	4.613.909.926	7.646.317.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.613.909.926	7.646.317.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>524</u>	<u>869</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	55.225.683.292	48.817.413.378
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	108.991.549.232	38.063.542.567
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.207.459.132	45.859.152.344
Chi phí hoa hồng	6.364.419.946	5.738.749.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.508.614.352	45.273.270.121
Chi phí bằng tiền khác	35.334.581.590	21.237.025.771
Cộng	<u>290.632.307.544</u>	<u>204.989.153.734</u>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.494.879.686	1.254.995.371
Thù lao	164.444.447	173.333.336
Tiền thưởng	170.916.075	185.259.200
Cộng	1.830.240.207	1.613.587.906

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam là 11.960.946.101 VND (cuối năm trước là 11.960.946.101 VND).

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ cho thuê tàu và vận tải.
- Dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên, dịch vụ Logistics

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên nhiều khu vực, tuy nhiên các rủi ro khi hoạt động ở các địa phương, khu vực đối với hoạt động của Tập đoàn là giống nhau.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh năm trước được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Kiểm toán Nhà nước ngày 14 tháng 4 năm 2011. Chi tiết các thay đổi như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh theo kiểm toán Nhà nước	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>					
Tài sản ngắn hạn	100	348.753.767.015	(107.378.748)	348.646.388.267	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	317.274.167.164	172.178.790	317.446.345.954	
Phải thu khách hàng	131	8.768.360.953	240.422.744	9.008.783.697	(i)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(199.314.974)	(68.243.954)	(267.558.928)	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	150	12.373.851.217	(279.557.538)	12.094.293.679	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.478.554.798	(199.557.538)	1.278.997.260	(iii)
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.171.000.291	(80.000.000)	5.091.000.291	(iv)
Tài sản dài hạn	200	572.937.282.631	1.306.164.067	574.243.446.698	
Tài sản cố định	220	548.881.524.724	729.348.619	549.610.873.343	
Tài sản cố định hữu hình	221	521.790.258.810	14.774.403.140	536.564.661.950	
Nguyên giá	222	806.672.908.066	14.253.877.938	820.926.786.004	(v)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(284.882.649.256)	520.525.202	(284.362.124.054)	(v)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14.255.877.938	(14.045.054.521)	210.823.417	(vi)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9.784.567.500	811.395.000	10.595.962.500	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(12.103.222.500)	811.395.000	(11.291.827.500)	(xv)
Tài sản dài hạn khác	260	14.271.190.407	(234.579.552)	14.036.610.855	
Chi phí trả trước dài hạn	261	14.271.190.407	(234.579.552)	14.036.610.855	(vii)
Tổng tài sản	270	921.691.049.646	1.198.785.319	922.889.834.965	
Nợ phải trả	300	817.615.559.358	517.970.511	818.133.529.869	
Nợ ngắn hạn	310	182.689.617.953	517.970.511	183.207.588.464	
Người mua trả tiền trước	313	342.622.236	(19.673.556)	322.948.680	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.733.688.080	592.766.100	4.326.454.180	(viii)
Chi phí phải trả	316	1.234.191.607	156.266.667	1.390.458.274	(ix)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	43.940.004.791	(211.388.700)	43.728.616.091	(x)
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	104.075.490.288	680.814.808	104.756.305.096	
Vốn chủ sở hữu	410	104.075.490.288	680.814.808	104.756.305.096	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	(1.097.483.492)	(1.097.483.492)	(xi)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12.809.325.623	1.778.298.300	14.587.623.923	(xii)
Tổng nguồn vốn	440	921.691.049.646	1.198.785.319	922.889.834.965	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh theo kiểm toán Nhà nước	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	284.147.499.566	295.593.800	284.443.093.366	(xiii)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	284.147.499.566	295.593.800	284.443.093.366	
Giá vốn hàng bán	11	182.673.585.885	(233.614.454)	182.439.971.431	(xiv)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	101.473.913.681	529.208.254	102.003.121.935	
Chi phí tài chính	22	80.591.009.763	(1.908.878.492)	78.682.131.271	(xv)
Chi phí bán hàng	24	7.470.763.446	35.497.500	7.506.260.946	(xvi)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.971.312.761	71.608.596	15.042.921.357	(xvii)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8.178.913.056	2.330.980.650	10.509.893.706	
Thu nhập khác	31	243.575.733	40.083.750	283.659.483	(xviii)
Lợi nhuận khác	40	(441.904.692)	40.083.750	(401.820.942)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.737.008.364	2.371.064.400	10.108.072.764	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.868.988.811	592.766.100	2.461.754.911	(viii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.868.019.553	1.778.298.300	7.646.317.853	
Lợi nhuận sau thuế của cổ động của công ty mẹ	62	5.868.019.553	1.778.298.300	7.646.317.853	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	667	202	869	
(i) Phải thu khách hàng					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Ghi nhận thêm doanh thu cho thuê tàu				295.593.800	
Tiền hoa hồng môi giới trừ qua phải thu				(35.497.500)	
Điều chỉnh trình bày với khoản người mua trả tiền trước				(19.673.556)	
Cộng				240.422.744	
(ii) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi					
Thay đổi do trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi.					
(iii) Chi phí trả trước ngắn hạn					
Thay đổi do phân bổ thêm chi phí trả trước ngắn hạn.					
(iv) Tài sản ngắn hạn khác					
Thay đổi do hạch toán nhầm.					

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn
(v) Tài sản cố định hữu hình Các điều chỉnh bao gồm:		
Ghi nhận tài sản hữu hình là tòa nhà số 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	14.253.877.938	(15.837.642)
Điều chỉnh giảm chi phí khấu hao các tàu biển	-	536.362.844
Cộng	14.253.877.938	520.525.202
(vi) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Các điều chỉnh bao gồm:		
Giảm giá trị tòa nhà số 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh do kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(14.253.877.938)
Tăng phải trả chi phí lãi vay trong chi phí đóng mới tàu Inlaco Express		156.266.667
Tăng chi phí đầu tư phần mềm quản lý nhân sự - tiền lương		52.556.750
Cộng		(14.045.054.521)
(vii) Chi phí trả trước dài hạn Thay đổi do phân bổ thêm chi phí trả trước dài hạn.		
(viii) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Thay đổi do ghi nhận thêm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010.		
(ix) Chi phí phải trả Ghi nhận thêm chi phí lãi vay năm 2010 cho khoản vay để đầu tư đóng mới tàu Inlaco Express.		
(x) Các khoản phải trả, phải nộp khác Thay đổi do hạch toán nhầm.		
(xi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái Thay đổi do ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản vay dài hạn.		
(xii) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Thay đổi do điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.		
(xiii) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Thay đổi do ghi nhận thêm doanh thu cho thuê tàu.		
(xiv) Giá vốn hàng bán Thay đổi do ghi nhận thêm doanh thu cho thuê tàu. Các điều chỉnh bao gồm:		
Phân bổ thêm chi phí trả trước		332.792.414
Ghi giảm chi phí khấu hao của các tàu biển		(536.362.844)
Ghi giảm chi phí do ghi nhận trùng		(30.044.024)
Cộng		(233.614.454)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính-kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(xv)	Chi phí tài chính	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Ghi nhận giảm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản vay dài hạn	(1.097.483.492)
	Ghi giảm chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(811.395.000)
	Cộng	(1.908.878.492)
(xvi)	Chi phí bán hàng	
	Thay đổi do ghi nhận thêm chi phí hoa hồng cho thuê tàu.	
(xvii)	Chi phí quản lý	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trích lập thêm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	68.243.954
	Trích thêm khấu hao của tòa nhà số 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	15.837.642
	Điều chỉnh giảm do chuyển giá trị phần mềm quản lý nhân sự - tiền lương sang chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	(12.473.000)
	Cộng	71.608.596
(xviii)	Thu nhập khác	
	Thay đổi do ghi nhận giá trị phần mềm quản lý nhân sự - tiền lương đã ghi nhận vào chi phí năm 2009.	

5. Khấu hao tài sản cố định

Theo Công văn số 148/BTC-TCĐN ngày 03 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính cho phép các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được giảm tối đa 75% chi phí khấu hao tàu biển trong năm 2011 và năm 2012 so với mức khấu hao hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Thực tế, trong năm Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế giảm chi phí khấu hao của loại tài sản phương tiện vận tải (tàu vận chuyển) so với mức khấu hao theo chính sách kế toán của Tập đoàn (chính sách kế toán này phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính) là 15.455.610.614 VND, tương ứng tỷ lệ giảm 35%.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.221.518.515	14.713.560.851	30.221.518.515	14.713.560.851
Phải thu khách hàng	8.633.049.298	8.741.224.769	8.633.049.298	8.741.224.769
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Các khoản phải thu khác	8.804.961.454	6.070.317.602	8.804.961.454	6.070.317.602
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.314.238.300	10.525.962.500	6.314.238.300	10.525.962.500
Cộng	54.043.767.567	40.121.065.722	54.043.767.567	40.121.065.722

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	815.162.234.435	722.938.701.899	815.162.234.435	722.938.701.899
Phải trả người bán	114.366.596.165	29.804.183.549	114.366.596.165	29.804.183.549
Các khoản phải trả khác	93.135.889.022	53.570.200.652	93.135.889.022	53.570.200.652
Cộng	1.022.664.719.622	806.313.086.100	1.022.664.719.622	806.313.086.100

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, vay và nợ dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

7. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10, V.11, V.16 và V.23). Giá trị còn lại của tài sản thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.060.756.876	14.238.040.296
Phương tiện, vận tải	461.874.777.022	481.230.092.402
Quyền sử dụng đất	8.198.578.200	8.198.578.200
Cộng	485.134.112.098	503.666.710.898

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	173.665.304.426	601.458.741.868	343.899.259.250	1.119.023.305.544
Phải trả người bán	114.366.596.165	-	-	114.366.596.165
Các khoản phải trả khác	92.884.508.697	251.380.325	-	93.135.889.022
Cộng	380.916.409.288	601.710.122.193	343.899.259.250	1.326.525.790.731
Số đầu năm				
Vay và nợ	142.377.777.291	591.120.075.575	225.548.714.997	959.046.567.863
Phải trả người bán	29.804.183.549	-	-	29.804.183.549
Các khoản phải trả khác	53.293.188.927	277.011.725	-	53.570.200.652
Cộng	225.475.149.767	591.397.087.300	225.548.714.997	1.042.420.952.064

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn bao gồm rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36 – 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản vay và nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có số dư ngoại tệ USD thuần phải trả là 14.253.166 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 17.778.050 USD). Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá USD/VND tăng/giảm 2% lỗ chênh lệch tỷ giá sẽ tăng/giảm 5.937.298.862 VND (năm trước là 6.730.926.036 VND) chủ yếu do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có số dư tiền vay có lãi suất thả nổi phải trả là 321.088.434.435 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 349.621.901.899 VND). Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn sẽ giảm/tăng khoảng 2.408.163.258 VND (năm trước là 2.622.164.265 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán


Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá chứng khoán trên thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

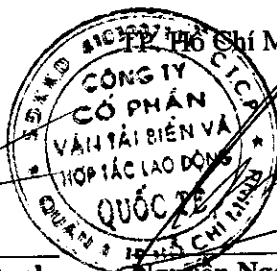
Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.


Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Oanh
Kê toán trưởng


Nguyễn Ngọc Minh
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	311.361.543.015	48.707.679.784	-	360.069.222.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	311.361.543.015	48.707.679.784	-	360.069.222.799
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.693.926.520	7.742.988.735	-	69.436.915.255
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	69.436.915.255
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	5.695.492.635
Chi phí tài chính	-	-	-	(68.915.593.614)
Thu nhập khác	-	-	-	999.069.022
Chi phí khác	-	-	-	(1.139.493.396)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.462.479.976)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	497.765.133.278	13.295.055.128	-	511.060.188.406
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(42.149.238.062)	(3.235.390.668)	-	(45.384.628.730)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm trước	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	238.797.799.186	45.645.294.180	-	284.443.093.366
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	89.090.298	(89.090.298)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	238.797.799.186	45.734.384.478	(89.090.298)	284.443.093.366
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	71.037.704.121	8.416.235.511	-	79.453.939.632
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				79.453.939.632
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.738.085.345
Doanh thu hoạt động tài chính				(78.682.131.271)
Chi phí tài chính				283.659.483
Thu nhập khác				(685.480.425)
Chi phí khác				(2.461.754.911)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				7.646.317.853
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.405.173.947	12.808.276.030	-	24.213.449.977
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(55.294.771.278)	(1.521.289.534)	-	(56.816.060.812)

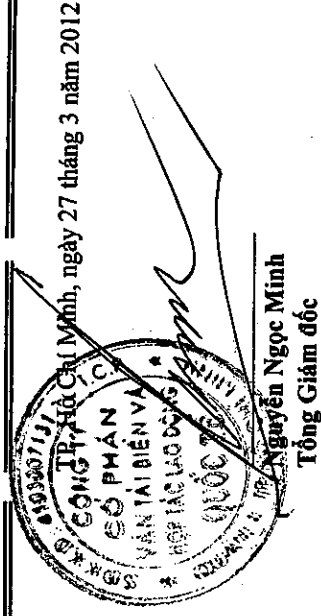
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

(Signature)

Nguyễn Thị Kim Oanh
 Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Thu Oanh
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Ngọc Minh
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ	1.005.400.985.117	35.356.562.969	-	1.040.757.548.086
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				121.590.069.050
Tổng tài sản				1.162.347.617.136
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	963.564.294.665	9.317.434.636	-	972.881.729.301
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.329.799.167
Tổng nợ phải trả				1.052.211.528.468
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	833.255.462.584	31.897.308.567	-	865.152.771.151
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				57.737.063.814
Tổng tài sản				922.889.834.965
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	746.595.957.050	8.365.772.086	-	754.961.729.136
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				63.171.800.733
Tổng nợ phải trả				818.133.529.869

Nguyễn Thị Kim Oanh

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Oanh

Nguyễn Thị Thu Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

